

TRƯỜNG THPT THỦ ĐỨC

Năm học 2021-2022

ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ II**Môn: Tiếng Anh - Khối: 12**

Thời gian làm bài: 60 phút, không kể thời gian phát đề

Phạm vi học trình: Bài 13-14-15 (Vocabulary & Grammar) – English 12 (Grammar)

BẢNG MA TRẬN CÂU HỎI

STT	Chủ đề - Kỹ năng		Điểm /10	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Cộng	
				TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL
1	PRONUNCIATION	VOWELS	0.2	1								1	
2		CONSONANTS	0.2	1								1	
3	STRESS	2-SYLLABIC WORDS	0.2	1								1	
4		3 OR MORE SYLLABIC WORDS	0.2	1								1	
5	GRAMMAR	Gapfill: Tenses/ Relative clause/ Reported speech/ Conditionals/ Comparison/ Phrasal verbs	1	2		2		1				5	
6		Error Identification: Modals/ modals perfect/Relative clause/ phrasal verb	0.6			1		1		1		3	
7		SENTENCE TRANSFORMATION: Tenses/Comparison/Phrasal verbs	0.6	2		1						3	
8		SENTENCE COMPLETION: Comparison/ Conjunctions/ Conditionals	0.6	1				2				3	
10	VOCABULARY Unit 13-14-15	Synonyms - Antonyms	0.8	2		2						4	
12		Error Id. - Collocations	0.4			1		1				2	
12		Word Choice – Nouns/Verbs/ Adj/Ad/Prep.	1	2		2		1				5	
13		Word Formation - Nouns/Verbs/ Adj/Ad	0.4					1		1		2	
14	SPEAKING	Daily Conversations	0.4	2								2	
15	READING COMPREHENSION 1	Detail/Word meaning/Inference/ Reference/ Paraphrasing/ Main Idea	1	2		1		1		1		5	
	READING COMPREHENSION 2	Detail/Word meaning/Inference/ Reference/ Paraphrasing/ Main Idea	1.4	2		3		1		1		7	
16	CLOZE TEST	Collocation/ Parts of Speech/ Function words	1	1		2		1		1		5	
16		TỔNG (50 câu/10 điểm)	10	20		15		10		5		50	

DUYỆT CỦA BGH:

TTCM: NGUYỄN THỊ CẨM HÀ

NHÓM TRƯỞNG/ PHẢN BIỆN: NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG